

Số: /KH-SNN

Bắc Giang, ngày tháng 6 năm 2020

**KẾ HOẠCH**  
**Phát triển lâm nghiệp tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2021-2025**

Thực hiện Công văn số 618/TCLN-KHTC ngày 15/5/2020 của Tổng cục Lâm nghiệp V/v xây dựng kế hoạch phát triển lâm nghiệp giai đoạn 2021-2025. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng Kế hoạch phát triển lâm nghiệp tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025, nội dung cụ thể như sau:

**ĐẶT VẤN ĐỀ**

Công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang những năm qua đã được cả hệ thống chính trị từ tỉnh đến huyện, xã vào cuộc quyết liệt; đạt nhiều kết quả quan trọng, đóng góp vào sự phát triển kinh tế, xã hội chung của tỉnh. Tỉnh đã chú trọng công tác quy hoạch lâm nghiệp, xác định cụ thể phạm vi, diện tích của từng loại rừng trên bản đồ và thực địa; cơ cấu 03 loại rừng hiện nay cơ bản phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Công tác quản lý, bảo vệ rừng thường xuyên được quan tâm chỉ đạo và có nhiều chuyển biến tích cực; tình hình vi phạm ngày càng giảm dần. Công tác phát triển rừng, đầu tư thâm canh rừng trồng được chủ rừng quan tâm thực hiện; công tác quản lý giống lâm nghiệp được tăng cường, đã đưa một số giống mới vào trồng rừng, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng rừng. Nghề rừng đã tạo ra việc làm, có thu nhập ổn định cho người dân địa phương, nhất là các huyện miền núi trên địa bàn tỉnh. Hiệu quả và thu nhập từ kinh tế rừng ngày càng được khẳng định, góp phần xóa đói, giảm nghèo, nâng cao thu nhập và làm giàu cho nhân dân miền núi.

Tuy nhiên bên cạnh đó cũng còn những tồn tại, hạn chế như: Công tác quản lý, bảo vệ diện tích rừng tự nhiên gặp rất nhiều khó khăn do người dân tự ý chặt phá rừng tự nhiên trái phép để lấy đất trồng rừng kinh tế; cháy rừng vẫn luôn tiềm ẩn nguy cơ cháy rừng cao ở hầu hết các địa phương trên địa bàn tỉnh; tình trạng tranh chấp đất lâm nghiệp, nhất là tranh chấp giữa người dân địa phương và các công ty lâm nghiệp xảy ra phức tạp. Chất lượng và giá trị rừng sản xuất chưa cao, giá trị gia tăng còn thấp, chưa phát huy được hết tiềm năng về đất đai của rừng để phát triển sản xuất lâm nghiệp.

Từ lý do trên, việc xây dựng Kế hoạch phát triển lâm nghiệp tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025 là cần thiết, gắn với thực hiện tái cơ cấu ngành lâm nghiệp giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

**Phần I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH 2016-2020**

**I. HIỆN TRẠNG RỪNG VÀ ĐẤT QUY HOẠCH CHO PHÁT TRIỂN RỪNG ĐẶC DỤNG, RỪNG PHÒNG HỘ, RỪNG SẢN XUẤT**

## **1. Hiện trạng đất quy hoạch cho phát triển rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất**

Tỉnh Bắc Giang đã xây dựng, ban hành Quyết định số 2203/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 Về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch 03 loại rừng tỉnh Bắc Giang đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; theo đó tổng diện tích đất Quy hoạch cho lâm nghiệp là 153.739 ha, trong đó: Đất rừng sản xuất 119.332 ha (chiếm 77,62%), đất rừng phòng hộ 21.104 ha (chiếm 13,73%), đất rừng đặc dụng 13.303 ha (chiếm 8,65%).

## **2. Hiện trạng rừng**

Căn cứ kết quả công bố hiện trạng rừng năm 2019, toàn tỉnh có 160.508 ha rừng (trong đó có 19.748 ha rừng thuộc đất quốc phòng, an ninh), cụ thể: 56.123 ha rừng tự nhiên, 91.068 ha rừng trồng và 13.317 ha rừng mới trồng chưa đạt tiêu chí thành rừng; phân theo 3 loại rừng như sau: Rừng đặc dụng 12.926 ha (chiếm 9%), rừng phòng hộ 19.861 ha (chiếm 14%), rừng sản xuất 127.721 ha (chiếm 77%). Diện tích đất chưa có rừng là 7.000 ha.

Đến nay, cơ bản diện tích rừng và đất lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh đã được giao, cho thuê để quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật; hiện trạng được phân theo chủ quản lý cụ thể như sau: BQL rừng phòng hộ, đặc dụng 34.215 ha (chiếm 22%); Công ty, doanh nghiệp, tổ chức kinh tế 14.376 ha (chiếm 9%); hộ gia đình, cộng đồng dân cư thôn 104.170 ha (chiếm 66,5%); UBND xã 4.440 ha (chiếm 2,5%).

## **3. Các nguồn lực hiện có**

*3.1. Vốn ngân sách nhà nước:* Giai đoạn 2016 – 2020 nguồn vốn ngân sách nhà nước đầu tư vào lĩnh vực lâm nghiệp thông qua Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững và Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững (phân bổ kinh phí trực tiếp cho huyện Sơn Động), với tổng kinh phí được phân bổ là 181.605,4 triệu đồng. Trong đó:

- Ngân sách trung ương: 125.255,0 triệu đồng, trong đó (*Vốn đầu tư phát triển: 80.250,0 triệu đồng; Vốn sự nghiệp: 45.005,0 triệu đồng*).

- Ngân sách địa phương: 56.350,4 triệu đồng, trong đó (*Vốn đầu tư phát triển, vốn trồng rừng thay thế: 16.581,0 triệu đồng; Vốn sự nghiệp: 39.769,4 triệu đồng*).

### *3.2. Tình hình huy động vốn của các thành phần kinh tế khác*

Hiện nay diện tích rừng và đất lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh cơ bản đã được giao cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân quản lý sử dụng ổn định, lâu dài vào mục đích lâm nghiệp; tạo điều kiện để các chủ rừng yên tâm đầu tư cho công tác bảo vệ và phát triển rừng trên diện tích được giao; góp phần thực hiện mục tiêu xã hội hoá nghề rừng, phát triển kinh tế, xoá đói, giảm nghèo và bảo vệ môi trường sinh thái. Giai đoạn 2016-2020, ngân sách của chủ rừng đầu tư cho công tác bảo vệ, phát triển rừng trên 950 tỷ đồng (bình quân 190 tỷ đồng/năm). Ngoài ra, toàn tỉnh hiện có 771 cơ sở sản xuất kinh doanh, chế biến lâm sản (*62 cơ sở chế biến là tổ chức, doanh nghiệp, và 709 cơ sở là hộ kinh doanh cá thể*), nguồn gốc lâm sản đưa vào kinh doanh, chế biến chủ yếu là gỗ rừng trồng và gỗ nhập khẩu; sản phẩm chủ yếu là đồ

mộc dân dụng, băm dăm, ván bóc, cốp pha, ván dán... Ngoài phục vụ cho nhu cầu cho xây dựng và đồ gia dụng trong nước, một số doanh nghiệp chế biến đã xuất khẩu trực tiếp sản phẩm chế biến từ gỗ là ván ép, ván dán ra nước ngoài.

## **II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH**

### **1. Bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học các khu rừng đặc dụng, phòng hộ**

*a) Về bảo vệ và phát triển bền vững đối với diện tích rừng hiện có:*

\* *Về bảo vệ rừng:* Thực hiện Quyết định số 886/QĐ-TTg ngày 16/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu phát triển Lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2016-2020 và từ thực tế yêu cầu của công tác quản lý, bảo vệ rừng; tỉnh Bắc Giang đã xây dựng, ban hành Nghị quyết số 249-NQ/TU ngày 01/11/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Kế hoạch số 12/KH-UBND ngày 31/01/2018 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 249-NQ/TU ngày 01/11/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Quyết định số 1359/QĐ-UBND ngày 07/8/2017 thành lập Ban chỉ đạo Chương trình mục tiêu phát triển Lâm nghiệp bền vững; Quyết định số 1680/QĐ-BCĐ ngày 04/10/2017 thành lập Văn phòng thường trực Chương trình mục tiêu phát triển Lâm nghiệp bền vững và phân công nhiệm vụ cụ thể cho thành viên Ban chỉ đạo. Xây dựng, ban hành Kế hoạch số 1057/KH-UBND ngày 06/4/2018 thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển Lâm nghiệp bền vững 03 năm (2018-2020) để tổ chức triển khai thực hiện.

Giai đoạn 2016-2020 công tác quản lý, bảo vệ rừng trên địa bàn tỉnh được cả hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở vào cuộc quyết liệt; cơ cấu 03 loại rừng hiện nay cơ bản phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và chỉ tiêu phân bổ của Trung ương. Đã thực hiện đồng bộ nhiều biện pháp bảo vệ rừng cùng với việc tiếp tục tăng cường lực lượng Kiểm lâm phụ trách địa bàn xã, phối hợp với chính quyền địa phương, chủ rừng tổ chức tuần tra, kiểm tra rừng; phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản theo quy định của pháp luật. Hằng năm thực hiện bảo vệ và phát triển bền vững toàn bộ 153.739 ha rừng hiện có theo quy hoạch; đặc biệt là diện tích rừng tự nhiên; ngân sách nhà nước đầu tư khoán, hỗ trợ bảo vệ rừng với tổng diện tích 150.304,6 ha, kinh phí 50.427 triệu đồng (*bình quân mỗi năm 30.061 ha, kinh phí 10.085 triệu đồng*). Nhìn chung, công tác khoán, hỗ trợ bảo vệ rừng được tổ chức thực hiện theo đúng các quy định hiện hành; việc khoán, hỗ trợ bảo vệ rừng đã khuyến khích chủ rừng, người dân tích cực tham gia, nâng cao hiệu quả trong công tác bảo vệ rừng, nhất là bảo vệ rừng tự nhiên.

\* *Về công tác bảo tồn thiên nhiên:* Chỉ đạo các Ban quản lý rừng đặc dụng thường xuyên phối hợp với chính quyền địa phương, các ngành chức năng tăng cường công tác tuyên truyền, vận động người dân tích cực tham gia bảo vệ đa dạng hệ sinh thái rừng; kiểm tra, giám sát, hướng dẫn các đơn vị kinh doanh du lịch sinh thái chấp hành đúng quy định hiện hành của nhà nước về quản lý bảo vệ rừng và bảo tồn thiên nhiên trong rừng đặc dụng; kiểm tra các tuyến, điểm du lịch sinh thái, khu vực rừng giáp ranh, các khu rừng có nguy cơ xảy ra cháy, phá, lấn chiếm đất rừng. Tuy nhiên, hoạt động du lịch sinh thái, khai thác khoáng sản làm

ảnh hưởng đến môi trường sinh thái tại các khu bảo tồn; đời sống của người dân địa phương còn gặp nhiều khó khăn, tác động tiêu cực đến bảo vệ rừng; kinh phí khoán bảo vệ rừng thấp, diện tích giao khoán chưa đáp ứng được yêu cầu bảo vệ rừng đặc dụng lên hiệu quả đạt được chưa cao.

Từ năm 2016 đến nay, đã triển khai trồng mới thêm được 30,0 ha rừng đặc dụng (loài cây trồng: Lim xanh + Vôi thuốc; trồng thuần loài Lim xanh) theo Dự án Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Bắc Giang; triển khai thực hiện trồng 15,0 ha khoanh nuôi tái sinh rừng tự nhiên có trồng bổ sung loài cây Lim xanh. Nhìn chung chất lượng rừng sinh trưởng, phát triển rất tốt. Năm 2016, 2017 tiếp tục phối hợp với tổ chức CIAI và GTV (Italia) thực hiện dự án Trồng và sản xuất bền vững cây thuốc nam tại huyện Sơn Động; sửa chữa vườn ươm cây giống thuốc nam tại Vườn ươm Đồi chè; đã hỗ trợ đầu tư cho người dân vùng đệm khu bảo tồn trồng cây thuốc nam.

*b) Về số vụ vi phạm và diện tích rừng bị thiệt hại:* Do triển khai thực hiện đồng bộ nhiều biện pháp bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng, vì vậy công tác bảo vệ rừng trên địa bàn tỉnh có nhiều chuyển biến tích cực; số vụ vi phạm Luật Lâm nghiệp, diện tích rừng bị thiệt hại do cháy và phá rừng gây ra đều giảm so với giai đoạn trước, cụ thể: Giai đoạn 2016-2020, toàn tỉnh xảy ra 1.035 vụ vi phạm, giảm 1.065 vụ (-50,7%); diện tích thiệt hại do cháy rừng, phá rừng gây ra 299,42 ha, giảm 76,37 ha (-20,3%) so với giai đoạn 2011-2015.

## **2. Phát triển rừng**

- Trồng rừng tập trung: Toàn tỉnh trồng được 41.052,8 ha rừng tập trung, vượt 64% so với kế hoạch; trong đó rừng phòng hộ, đặc dụng đạt 638,8 ha; rừng sản xuất 40.414,0 ha (trồng rừng gỗ lớn 9.153 ha).

- Trồng cây phân tán: 14,311 triệu cây phân tán các loại, gấp hơn 2 lần so với kế hoạch; trung bình mỗi năm trồng được 2,862 triệu cây.

- Chăm sóc rừng trồng: Thực hiện chăm sóc 109.514 ha rừng trồng tập trung, vượt 87% so với kế hoạch; bình quân mỗi năm chăm sóc 21.908 ha rừng trồng.

## **3. Nâng cao năng suất, chất lượng rừng**

- Năng suất rừng trồng bình quân khi khai thác chính đạt 17m<sup>3</sup>/ha/năm. Đến năm 2020 đạt 20m<sup>3</sup>/ha/năm.

- Sản lượng khai thác gỗ từ rừng trồng được 3,030 triệu m<sup>3</sup> gỗ, gấp hơn 2 lần so với kế hoạch, bình quân mỗi năm khai thác được trên 606 nghìn m<sup>3</sup>.

## **4. Quản lý rừng bền vững**

- Xây dựng và thực hiện phương án quản lý rừng bền vững: Đến hết năm 2020 diện tích được xây dựng và thực hiện phương án quản lý rừng bền vững của tỉnh Bắc Giang đạt 38.719,68 ha, trong đó:

+ Năm 2016, Công ty TNHH 2TV lâm nghiệp Yên Thế xây dựng, được phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững, diện tích 2.340,98 ha;

+ Năm 2017 Công ty Cổ phần Thiên Lâm Đạt xây dựng, được phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững, diện tích 782,67 ha;

+ Năm 2019, Công ty TNHH 2TV lâm nghiệp Lục Ngạn xây dựng, được phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững, diện tích 2.243,33 ha;

+ Năm 2020 các Ban quản lý rừng phòng hộ Sơn Động, Cẩm Sơn, Ban quản lý rừng đặc dụng Tây Yên tử đang tổ chức xây dựng phương án quản lý rừng bền vững với diện tích 33.352,70ha dự kiến trình phê duyệt xong trong năm 2020.

- Diện tích rừng được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững: Trên địa bàn tỉnh Bắc Giang có Công ty TNHH 2TV lâm nghiệp Yên Thế được cấp Chứng chỉ quản lý rừng bền vững FSC vào năm 2016 cho 2.340,98 ha rừng và đất lâm nghiệp (trong đó rừng trồng sản xuất: 2.202,26 ha). Diện tích rừng được cấp chứng chỉ là điều kiện để gỗ và sản phẩm chế biến từ gỗ của Công ty TNHH 2TV lâm nghiệp Yên Thế cung ứng cho Công ty cổ phần VIHA Thống Nhất, để xuất khẩu chủ yếu sang thị trường Châu Âu, Nhật Bản, Hàn Quốc, với giá gỗ ổn định, cao hơn giá gỗ không có chứng chỉ rừng từ 10-15%.

Hiện nay, Công ty TNHH hai thành viên lâm nghiệp Lục Ngạn đang triển khai xây dựng hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững cho diện tích khoảng 2.100 ha; Công ty cổ phần Thiên Lâm Đạt lập hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ rừng cho khoảng 2.816 ha (trong đó: Công ty cổ phần Thiên Lâm Đạt: 1.263 ha; diện tích rừng của các nhóm hộ tham gia thuộc xã Tuấn Đạo, Hữu Sản, An Châu – huyện Sơn Động: 1.553 ha).

### **III. TỒN TẠI, NGUYÊN NHÂN**

#### **1. Tồn tại**

Công tác quản lý, bảo vệ diện tích rừng tự nhiên đã giao cho các hộ gia đình, cá nhân gặp rất nhiều khó khăn, phức tạp; mặc dù đã hạn chế được tối đa tình hình vi phạm, nhưng vẫn còn một số hộ gia đình, cá nhân cố tình phá rừng tự nhiên nghèo kiệt, lấy đất để trồng rừng kinh tế.

Tình trạng tranh chấp đất lâm nghiệp, như tranh chấp giữa người dân địa phương và các công ty lâm nghiệp, tranh chấp giữa các địa phương còn xảy ra. Diện tích rừng tự nhiên là rừng sản xuất đã giao cho các hộ gia đình chủ yếu là rừng nghèo kiệt, chất lượng rừng thấp, trước mắt chưa có thu nhập kinh tế. Diện tích rừng tự nhiên trên địa bàn tỉnh được khoán bảo vệ và hỗ trợ bảo vệ rừng mới đạt khoảng trên 50%. Do vậy luôn tiềm ẩn nguy cơ phá rừng, khai thác gỗ trái phép xảy ra.

Cháy rừng vẫn diễn biến hết sức phức tạp, luôn tiềm ẩn nguy cơ cháy rừng ở hầu hết các vùng trên địa bàn toàn tỉnh; việc điều tra xác định nguyên nhân và đối tượng gây cháy rừng còn hạn chế.

Việc đầu tư trồng rừng gỗ lớn còn ít; sản lượng gỗ khai thác hàng năm tăng mạnh nhưng chủ yếu để phục vụ cho chế biến thô, ván bóc, băm dăm. Tính liên kết trong sản xuất lâm nghiệp giữa doanh nghiệp chế biến với hộ trồng rừng chưa hình thành,... Chưa có nhà máy chế biến sâu với công nghệ hiện đại, sản xuất sản phẩm có giá trị cao cung cấp cho thị trường và xuất khẩu; giá trị sản xuất lâm nghiệp đóng góp vào GDP của địa phương còn thấp, chưa tương xứng với tiềm năng.

Công tác bảo tồn thiên nhiên chưa thực sự toàn diện, vững chắc; tình trạng chặt phá rừng, khai thác gỗ, săn bắt động vật rừng trái phép, nhỏ lẻ còn xảy ra; hoạt động du lịch sinh thái, khai thác khoáng sản làm ảnh hưởng đến môi trường sinh thái tại các khu bảo tồn.

## **2. Nguyên nhân**

Hiệu quả từ trồng rừng kinh tế cho thu nhập cao (khoảng 20-30 triệu đồng/ha/năm), trong khi nhiều hộ gia đình miền núi chủ yếu được giao rừng tự nhiên nghèo và nghèo kiệt trước mắt không cho thu nhập nên tìm cách phá bỏ lấy đất trồng rừng kinh tế.

Hiện nay, theo quy định của Nhà nước mức hỗ trợ bảo vệ rừng chỉ từ 300.000 – 400.000 đồng/ha/năm là rất thấp, chưa đảm bảo giải quyết được việc làm và thu nhập của chủ rừng được nhà nước giao hoặc cho thuê rừng tự nhiên; chưa khuyến khích được chủ rừng và người dân địa phương tích cực tham gia bảo vệ rừng, nhất là bảo vệ rừng tự nhiên.

Đầu tư, hỗ trợ từ ngân sách cho sản xuất lâm nghiệp còn rất thấp, nhiều chủ trương chính sách về lâm nghiệp được ban hành nhưng không có kinh phí đầu tư, hoặc đầu tư thấp; không đảm bảo cuộc sống cho người dân,...

Lực lượng Kiểm lâm trên địa bàn mỏng, còn thiếu với số lượng lớn so với chỉ tiêu biên chế được giao; thực hiện nhiệm vụ ngăn chặn, xử lý tình trạng phá rừng tự nhiên nghèo kiệt để trồng rừng kinh tế là mâu thuẫn với lợi ích kinh tế của người dân được giao rừng nên không được người dân ủng hộ, giúp đỡ.

Các Công ty lâm nghiệp đang trong quá trình sắp xếp, chuyển đổi mô hình sản xuất kinh doanh nên người dân địa phương cố tình lợi dụng phá rừng, lấn chiếm đất rừng trái phép để lấy đất trồng rừng kinh tế.

## **3. Những vấn đề đặt ra cần giải quyết**

- Tình trạng phát rừng tự nhiên để trồng rừng kinh tế trong thời gian tới dự báo sẽ tiếp tục diễn ra do hiệu quả của rừng trồng kinh tế hiện nay cho thu nhập cao; diện tích đất rừng giao cho các hộ gia đình chủ yếu là rừng tự nhiên nghèo kiệt (trữ lượng gỗ rất thấp khoảng 10 m<sup>3</sup>/ha), hoặc đất rừng kiểu trạng thái Ic (không có trữ lượng gỗ), không có nguồn thu từ rừng. Do vậy công tác quản lý bảo vệ rừng gặp rất nhiều khó khăn.

- Cháy rừng diễn biến hết sức phức tạp và luôn tiềm ẩn nguy cơ cháy cao ở hầu hết các địa phương trong tỉnh, do đó các địa phương cần tổ chức thực hiện tốt Quy chế phối hợp giữa 03 lực lượng (Công an, Quân đội, Kiểm lâm) từ cấp huyện, đến các xã trong công tác bảo vệ rừng, PCCCR; kịp thời huy động đủ lực lượng tham gia chữa cháy, làm tốt công tác chỉ huy chữa cháy, các biện pháp chữa cháy rừng; đảm bảo an toàn cho con người và phương tiện dụng cụ tham gia chữa cháy rừng.

- Tình trạng tranh chấp, lấn chiếm đất lâm nghiệp, nhất là người dân địa phương lấn chiếm, khiếu kiện, đòi đất của các công ty lâm nghiệp sẽ còn diễn ra phức tạp; dễ trở thành điểm nóng, gây mất an ninh trật tự, an toàn xã hội tại địa phương; đòi hỏi chính quyền địa phương, các ngành chức năng, chủ rừng phải phối hợp chặt chẽ; thực hiện các biện pháp giải quyết ngay từ cơ sở.

## **Phần II. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN LÂM NGHIỆP GIAI ĐOẠN 2021-2025**

### **I. BỐI CẢNH, DỰ BÁO**

#### **1. Thuận lợi**

- Luật Lâm nghiệp và các Nghị định, thông tư hướng dẫn thi hành Luật có hiệu lực từ 01/01/2019; Nghị quyết của Tỉnh ủy, Kế hoạch của UBND tỉnh ban hành nhằm thực hiện tốt công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn.

- Tiềm năng phát triển lâm nghiệp, nhất là diện tích rừng trồng, vùng nguyên liệu gỗ tập trung là điều kiện thuận lợi và tiền đề quan trọng cho việc thu hút đầu tư vào lĩnh vực lâm nghiệp.

- Khoa học công nghệ phát triển, đưa giống mới, năng suất cao vào trồng rừng. Tiềm năng xuất khẩu sản phẩm gỗ sau chế biến và nhu cầu tiêu thụ của thị trường thế giới tạo thuận lợi cho sản xuất kinh doanh lâm nghiệp.

#### **2. Khó khăn, thách thức**

- Thời tiết diễn biến theo xu hướng cực đoan; nguồn vốn ngân sách nhà nước hạn chế, đầu tư cho lĩnh vực sản xuất lâm nghiệp thấp so với nhu cầu.

- Thời gian tới, quá trình công nghiệp hóa, phát triển đô thị diễn ra theo chiều rộng; kinh tế xã hội phát triển mạnh mẽ, đời sống của người dân ngày càng cao, nhu cầu về đầu tư xây dựng các khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, dự án sân golf, đất để san lấp mặt bằng phải thực hiện chuyển đổi mục đích sử dụng đất lâm nghiệp sang mục đích khác, làm giảm diện tích rừng, đất lâm nghiệp và tỷ lệ độ che phủ rừng.

- Hiện nay, Việt Nam ngày càng mở rộng quan hệ thương mại thế giới, đây là cơ hội lớn để sản xuất, xuất khẩu các sản phẩm chế biến từ gỗ. Từ đó, đòi hỏi phải tích tụ đất để có vùng sản xuất gỗ nguyên liệu tập trung, trồng rừng gỗ lớn, tăng diện tích rừng được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững, đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế về xuất khẩu sản phẩm chế biến gỗ.

#### **3. Cơ sở xác định các mục tiêu phát triển**

- Luật Lâm nghiệp và các Nghị định, Thông tư hướng dẫn thi hành Luật Lâm nghiệp có hiệu lực từ 01/01/2019.

- Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030; tầm nhìn đến 2050.

- Nghị quyết số 401-NQ/TU ngày 03/4/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Giang về chiến lược phát triển nông nghiệp tỉnh Bắc Giang đến năm 2030, tầm nhìn đến 2035; Kế hoạch số 115/KH-UBND ngày 30/5/2019 của UBND tỉnh Bắc Giang thực hiện Nghị quyết số 401-NQ/TU ngày 03/4/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Giang về chiến lược phát triển nông nghiệp tỉnh Bắc Giang đến năm 2030, tầm nhìn đến 2035.

- Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nhiệm kỳ 2021-2025.

**4. Dự báo:** Tốc độ tăng GRDP lâm nghiệp bình quân giai đoạn 2021-2025 đạt 2,5-3%/năm. Cơ cấu giá trị sản xuất lâm nghiệp chiếm 5,5-6% vào năm 2025. Tỷ lệ che phủ rừng đến năm 2025 giữ ổn định 38%.

## II. MỤC TIÊU

### 1. Mục tiêu chung

Bảo vệ phát triển bền vững diện tích rừng tự nhiên hiện có; nâng cao năng suất, chất lượng và phát huy giá trị từng loại rừng, tăng giá trị rừng sản xuất trên đơn vị diện tích; góp phần đáp ứng các yêu cầu về giảm nhẹ thiên tai, bảo vệ môi trường sinh thái, ứng phó với biến đổi khí hậu; tạo việc làm, tăng thu nhập, góp phần xóa đói, giảm nghèo, cải thiện sinh kế cho người dân làm nghề rừng, gắn với tiến trình xây dựng nông thôn mới.

### 2. Mục tiêu cụ thể

#### 2.1. Về kinh tế xã hội

Tốc độ tăng giá trị sản xuất lâm nghiệp đạt khoảng 3-3,5%/năm%. Diện tích rừng trồng nguyên liệu tập trung khoảng 80 nghìn ha; trong đó diện tích rừng trồng thâm canh gỗ lớn 15 nghìn ha, diện tích rừng được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững quốc tế (do tổ chức quốc tế hoặc Văn phòng chứng chỉ rừng Việt Nam cấp) đạt 6.000 ha; sản lượng gỗ khai thác đến năm 2025 đạt 860.000m<sup>3</sup>/năm, trong đó có 30% sản phẩm gỗ khai thác được đưa vào chế biến sâu phục vụ chính cho xuất khẩu.

Nâng cao nhận thức và trách nhiệm của người dân đối với công tác bảo vệ và phát triển rừng; tạo việc làm, tăng thu nhập cho người dân miền núi tham gia nghề rừng.

2.2. Về môi trường: Giữ ổn định tỷ lệ độ che phủ rừng giai đoạn 2021-2025 đạt 38%. Chất lượng rừng ngày càng tăng lên, góp phần quan trọng bảo tồn nguồn gen, tính đa dạng sinh học và phát triển du lịch sinh thái rừng, phát huy tốt vai trò, tác dụng chức năng phòng hộ bảo vệ môi trường sinh thái, điều tiết nguồn nước đầu nguồn, hạn chế thiệt hại thiên tai do ảnh hưởng của Biến đổi khí hậu.

2.3. Về quốc phòng, an ninh: Góp phần bảo đảm ổn định an ninh chính trị, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội của địa phương, là nền tảng cho sự phát triển và ổn định chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, nhất là trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng.

## III. NHIỆM VỤ

### 1. Bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học các khu rừng đặc dụng, phòng hộ:

- Về bảo vệ và phát triển bền vững đối với diện tích rừng hiện có:

Tăng cường các biện pháp quản lý, bảo vệ tốt diện tích rừng hiện có; bảo vệ nghiêm ngặt các khu rừng tự nhiên là rừng đặc dụng, phòng hộ. Đầu tư kinh phí khoán, hỗ trợ bảo vệ rừng giai đoạn 2021-2025 với tổng diện tích khoảng 235.000 ha, trong đó khoán bảo vệ rừng 160.000 ha, hỗ trợ bảo vệ rừng 75.000 ha. Xây dựng phương án chuyển đổi khoảng 3.400ha.

Tăng cường năng lực thực thi pháp luật, giảm căn bản tình trạng vi phạm Luật Lâm nghiệp, trong đó diện tích rừng bị thiệt hại và số vụ vi phạm giảm 15-20 % so với giai đoạn 2016-2020.

- Về Bảo tồn thiên nhiên: Tiếp tục chính sách hỗ trợ cho cộng đồng dân cư vùng đệm; thực hiện cấm mồi danh giới các khu rừng đặc dụng, phòng hộ; thực hiện điều tra



đa dạng sinh học 13.000ha. Bảo vệ và phát triển các loài thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp; bảo tồn đa dạng sinh học của các hệ sinh thái rừng,...

## **2. Phát triển rừng:**

- Trồng rừng tập trung 37.500 ha, bình quân mỗi năm 7.500 ha. Trong đó:
  - + Trồng rừng phòng hộ, đặc dụng 125 ha;
  - + Trồng rừng sản xuất 37.375 ha (rừng gỗ lớn lũy kế đến năm 2025 đạt 15.000 ha).
- Trồng cây phân tán 10,0 triệu cây các loại, trung bình mỗi năm trồng 2,0 triệu cây.
- Chăm sóc rừng trồng tập trung 79.000 ha, trung bình quân mỗi năm chăm sóc 15.800 ha.

## **3. Nâng cao năng suất, chất lượng rừng**

- Năng suất rừng trồng bình quân giai đoạn 2021-2025 khi khai thác chính đạt 22m<sup>3</sup>/ha/năm trở lên.
- Sản lượng khai thác gỗ từ rừng trồng: Giai đoạn 2021-2025 tổng sản lượng gỗ khai thác của tỉnh 3,930 triệu m<sup>3</sup>, bình quân mỗi năm khai khoảng 800 nghìn m<sup>3</sup> gỗ; sản lượng khai thác gỗ đạt 860 nghìn m<sup>3</sup> vào 2025

## **4. Quản lý rừng bền vững**

- Xây dựng và thực hiện phương án quản lý rừng bền vững cho khoảng 7.800 ha nâng tổng số diện tích rừng thực hiện phương án quản lý rừng bền vững khoảng 46.520 ha.
- Diện tích rừng được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững: Dự kiến đến năm 2025, diện tích được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững của tỉnh đạt khoảng 6.000 ha.

# **IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

## **1. Về công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức**

Tổ chức tuyên truyền qua các kênh thông tin truyền thông về giá trị kinh tế, xã hội, môi trường, an ninh quốc phòng của rừng; thường xuyên thông báo cấp dự báo cháy rừng xuống các địa phương để chủ động phòng ngừa.

Tăng cường giáo dục pháp luật về bảo vệ rừng và phát triển rừng, nâng cao ý thức bảo vệ rừng của người dân; vận động các hộ gia đình sống gần rừng, ven rừng ký cam kết bảo vệ rừng và tham gia chữa cháy rừng; tổ chức xây dựng và thực hiện các quy ước bảo vệ rừng tại các cộng đồng dân cư thôn có rừng; thay đổi nhận thức, tập quán kinh doanh, sản xuất lâm nghiệp sang thâm canh, kết hợp sản xuất gỗ nhỏ và gỗ lớn.

## **2. Về quản lý quy hoạch và đất quy hoạch cho phát triển rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất**

Tổ chức thực hiện tốt các quy hoạch lâm nghiệp đã được phê duyệt theo Quyết định số 2203/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 Về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch 03 loại rừng tỉnh Bắc Giang đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; thực hiện quản

lý, sử dụng 3 loại rừng theo đúng quy chế quản lý rừng; đến năm 2025, diện tích rừng đặc dụng tăng khoảng 500 ha; Tăng cường quản lý chặt chẽ việc chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác. Hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu rừng và đất lâm nghiệp bằng công nghệ viễn thám GIS để thống nhất quản lý.

### **3. Về bảo vệ rừng**

Tiếp tục chỉ đạo thực hiện nghiêm Nghị quyết số 249-NQ/TU ngày 01/11/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Kế hoạch số 12/KH-UBND ngày 31/01/2018 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 249-NQ/TU ngày 01/11/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Tăng cường các biện pháp quản lý, bảo vệ diện tích rừng hiện có trên địa bàn tỉnh, bảo vệ tốt diện tích rừng tự nhiên hiện có; bảo vệ nghiêm ngặt các khu rừng tự nhiên là rừng đặc dụng, phòng hộ; hằng năm thực hiện công tác khoán, hỗ trợ bảo vệ rừng theo đúng quy định. Ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng thiết bị bay không người lái điều khiển từ xa trong công tác bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng.

### **4. Về giao, cho thuê rừng**

Tỉnh Bắc Giang cơ bản đã hoàn thành việc giao đất, giao rừng, cho thuê rừng đối với những diện tích rừng chưa giao, cho thuê.

Tăng cường công tác quản lý đối với các doanh nghiệp thuê rừng và đất lâm nghiệp, hàng năm kiểm tra, đánh giá kết quả, hiệu quả thuê rừng của các công ty thuê rừng. Thực hiện tốt việc định giá rừng; xử lý dứt điểm các trường hợp đất rừng cho thuê, cho mượn, bị lấn chiếm, tranh chấp, liên doanh, liên kết, hợp tác đầu tư không đúng quy định. Khắc phục và giải quyết dứt điểm tình trạng lấn chiếm đất rừng trái pháp luật, giữa các địa phương và giữa người dân địa phương với các đơn vị quản lý đất lâm nghiệp.

### **5. Về khoa học, công nghệ và khuyến lâm**

Tập trung nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất lâm nghiệp. Trong đó quan tâm việc sản xuất cây con giống theo phương pháp nuôi cấy mô tế bào; ứng dụng cơ giới hóa vào sản xuất lâm nghiệp (trong khâu làm đất, khai thác rừng...); đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ tin học vào công tác quản lý, theo dõi diễn biến rừng và đất lâm nghiệp, theo dõi, giám sát công tác phòng cháy, chữa cháy rừng.

### **6. Về thị trường**

Đẩy mạnh thu hút các doanh nghiệp có tiềm lực đầu tư vào lâm nghiệp, tăng cường sự liên kết chặt chẽ giữa nhà máy chế biến với các hộ gia đình, doanh nghiệp theo chuỗi hành trình sản phẩm từ khâu tạo nguyên liệu tới khai thác, chế biến và tiêu thụ sản phẩm,... Đưa công nghệ chế biến hiện đại, cho sản phẩm chất lượng cao, đảm bảo tiêu chuẩn xuất khẩu sang thị trường khó tính vào chế biến gỗ và lâm sản; đẩy nhanh việc xúc tiến kết nối thị trường đối với các nước EU mà Việt Nam đã tham gia ký kết Hiệp định VPA/FLEGT trong việc xuất khẩu gỗ.

### **7. Về hợp tác quốc tế**

Tổ chức sản xuất lâm nghiệp theo hướng tăng cường liên kết từ khâu sản xuất nguyên liệu (trồng rừng) cho tới khai thác, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nhằm tăng sức cạnh tranh và giá trị gia tăng của sản phẩm lâm nghiệp. Khuyến khích các nhà máy chế biến liên kết đầu tư trồng rừng nguyên liệu với các chủ rừng là tổ chức (Công ty lâm nghiệp, BQL rừng) hoặc hộ gia đình cá nhân để trồng, chăm sóc rừng bán sản phẩm gỗ cho nhà máy theo hợp đồng. Khuyến khích việc tích tụ đất đai hình thành các trang trại gia đình trồng rừng có quy mô lớn; hoặc tự nguyện thành lập các nhóm hộ để liên kết trồng rừng cung cấp nguyên liệu cho nhà máy chế biến,...

## **V. NHU CẦU VỐN**

**1. Tổng dự toán nhu cầu vốn:** Tổng nhu cầu vốn để thực hiện Kế hoạch phát triển lâm nghiệp giai đoạn 2021-2025 là 2.698.853 triệu đồng. Trong đó:

- Vốn ngân sách Nhà nước : 217.468 triệu đồng;
- + Vốn ngân sách Trung ương : 183.997 triệu đồng;
- + Vốn ngân sách Địa phương : 33.471 triệu đồng;
- Vốn hợp pháp khác : 2.481.385 triệu đồng.

*(Chi tiết vốn đầu tư theo biểu số 04 kèm theo)*

## **2. Cơ chế huy động vốn**

Cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh thông thoáng, công khai, minh bạch, quan tâm phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật và có chính sách phù hợp để thu hút doanh nghiệp tham gia đầu tư vào lĩnh vực lâm nghiệp. Ưu tiên đầu tư vào sản xuất lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao, theo hướng quản lý sử dụng bền vững diện tích rừng trên địa bàn.

Ban hành chính sách thu hút đầu tư để xây dựng được nhà máy chế biến gỗ với công nghệ hiện đại sản xuất sản phẩm tinh, công suất lớn; như hỗ trợ trong việc bố trí đất xây dựng nhà máy, giảm thuế sử dụng đất, ưu đãi các khoản thuế.... Huy động tối đa các nguồn vốn khác vào đầu tư bảo vệ và phát triển rừng.

Tiếp tục đẩy mạnh chủ trương xã hội hóa nghề rừng, khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp, hộ gia đình đầu tư phát triển rừng sản xuất, nâng cao giá trị của rừng, tranh thủ các nguồn vốn đầu tư của Trung ương và các tổ chức quốc tế cho bảo vệ và phát triển rừng.

Ngân sách tỉnh hỗ trợ bổ sung cho các hạng mục trồng rừng, chăm sóc rừng phòng hộ, đặc dụng; hỗ trợ cho bảo vệ rừng đặc dụng theo Quyết định số 24/2012/QĐ-TTg ngày 01/6/2012 của Thủ tướng Chính phủ. Đối với hỗ trợ cho bảo vệ rừng sản xuất là rừng tự nhiên thực hiện theo chính sách hỗ trợ ban hành kèm theo Quyết định số 29/2017/QĐ-UBND ngày 24/8/2017 của UBND tỉnh.

## **VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

- Giao cho Chi cục Kiểm lâm chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên tổ chức thực hiện Kế hoạch phát triển lâm nghiệp giai đoạn 2021-2025. Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc tổ chức, thực hiện kế hoạch; tham mưu giải quyết các vướng mắc liên quan đến việc triển khai thực hiện và đề xuất điều chỉnh kế hoạch khi cần

thiết; thực hiện rà soát, xây dựng, điều chỉnh các đề án, dự án liên quan đến lĩnh vực Lâm nghiệp theo chức năng nhiệm vụ; kiểm tra, giám sát, nghiệm thu kết quả thực hiện các hạng mục thuộc kế hoạch phát triển lâm nghiệp giai đoạn 2021-2025 theo quy định.

- Phòng Kế hoạch Tài chính phối hợp với đơn vị có liên quan tham mưu, đề nghị cơ quan có thẩm quyền phân bổ vốn sự nghiệp, vốn đầu tư phát triển của Trung ương, của tỉnh để thực hiện Kế hoạch phát triển lâm nghiệp giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh.

- Trung tâm Giống cây trồng: Thực hiện chuyển giao và sản xuất cây giống gốc từng bước sản xuất cung ứng cây đầu dòng cung cấp nguồn giống cho các cơ sở sản xuất cây giống trên địa bàn tỉnh.

- Trung tâm Khuyến nông, khuyến ngư: Lựa chọn và tổ chức triển khai xây dựng các mô hình trồng rừng bằng giống mới được chuyển giao đã được công nhận để đánh giá đưa vào nhân rộng sản xuất.

- Các Ban quản lý rừng Phòng hộ, đặc dụng: Trực tiếp tổ chức triển khai thực hiện một số nhiệm vụ của Kế hoạch phát triển lâm nghiệp giai đoạn 2021-2025; kiểm tra, giám sát, nghiệm thu kết quả thực hiện các hạng mục bảo vệ và phát triển rừng theo quy định.

- Các doanh nghiệp lâm nghiệp: Căn cứ vào phương án kinh doanh của đơn vị tổ chức thực hiện tốt các nội dung Kế hoạch phát triển lâm nghiệp giai đoạn 2021-2025.

Trên đây là Kế hoạch phát triển lâm nghiệp giai đoạn 2021-2025 tỉnh Bắc Giang. Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bắc Giang báo cáo Tổng cục Lâm nghiệp xem xét, tổng hợp./.

*(Chi tiết có các biểu mẫu đính kèm)*

**Nơi nhận:**

- Tổng cục Lâm nghiệp (b/c);
- Lưu: VT, CCKL.

**Bản điện tử:**

- Tổng cục Lâm nghiệp (b/c);
- UBND tỉnh (b/c);
- Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- GD, các PGĐ Sở NN& PTNT;
- Phòng KHTC;
- Chi cục Kiểm lâm;
- Trung tâm khuyến nông, khuyến ngư;
- Trung tâm Giống cây trồng;
- Các BQL rừng đặc dụng, phòng hộ.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Lê Bá Thành**